

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HS-ST

Ngày 14-12 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: bà Vũ Thị Hải

Các hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Giang; ông Nguyễn Thành Thông.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk tham gia phiên tòa: ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số: 37/2020/HSST ngày 18 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Giàng Văn D, sinh ngày 02/02/2003 tại huyện C, tỉnh Bắc Cạn; Nơi cư trú: Thôn 08, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Tin Lành; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Giàng Seo D1 và bà Thào Thị S; Bị cáo có 04 chị em, bản thân là thứ 3. Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Giàng Văn D: ông Nguyễn Hữu H - Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Ông H có mặt tại phiên tòa.

- Đại diện hợp pháp cho bị cáo Giàng Văn D: Ông Giàng Seo D1 (bố của bị cáo D) sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn 8, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Ông D có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: anh Đặng Văn S, sinh năm 1995, chị Giàng Thị D2 sinh năm 1996. Nơi cư trú: Thôn 6, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Anh S và chị D2 vắng mặt;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Vàng Văn T, sinh ngày 24/10/2006. Đại diện hợp pháp cho anh Vàng Văn T: ông Vàng Seo Th (bố của anh T) sinh năm 1984. Cùng nơi cư trú: Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Anh T, ông Th có mặt tại phiên tòa;

+ Anh Dương văn Th1 sinh ngày 08/12/2009. Đại diện theo pháp luật cho anh Dương văn Th1: ông Dương Văn P (bố của anh Th1) sinh năm 1977. Cùng nơi cư trú: Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Anh Th1, ông P có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 13/8/2020, Vàng Văn T rủ Giàng Văn D và Dương Văn Th1 đi trộm cắp tiền để tiêu xài. T, D và Th1 đến vườn keo sau nhà anh S để đợi. Khoảng 14 giờ cùng ngày, khi thấy gia đình anh S đi làm, không có ai ở nhà, T, D và Th1 cùng đi ra phía sau nhà. Toàn đẩy cánh cửa sắt vào trong, Dùng dùng tay dịch chuyển dần thanh kim loại ra khỏi vị trí chốt và mở được cửa. T, D và Th1 cùng đi vào trong nhà và lục lọi các đồ đạc để tìm kiếm tiền. Th1 tìm thấy tiền trong túi quần Jean treo trên sào móc đồ đưa cho D cất vào túi quần của D. D, T và Th1 cùng đi ra vườn keo sau nhà anh S đếm tiền được 2.470.000đồng. T chia cho D 870.000đồng, T và Th1 mỗi người 800.000 đồng. Do không có tiền lẻ nên T giữ tiền cho Th1. Sau khi chia nhau số tiền trên cả 3 đi mua nước ngọt và ăn phở hết 90.000đồng.

Vật chứng tạm giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu FORME, màu đỏ; 01 túi đeo ngang bằng vải màu nâu, trên túi có chữ ADIDAS; số tiền 2.380.000 đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M'Đrăk đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ hợp pháp là Đặng Văn S 2.380.000 đồng.

Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp T, D và Th1 cùng với nhau đền bù số tiền 620.000 đồng cho bị hại và được bị hại viết đơn bãi nại.

* Tại bản cáo trạng số 35/CT-VKS ngày 17/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk truy tố bị cáo Giàng Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

* Quá trình xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk đã truy tố.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đại diện hợp pháp không có ý kiến và yêu cầu gì.

* Quá trình điều tra, bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường, có đơn bãi nại đối với bị cáo.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tuyên bố bị cáo Giàng Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173 và điểm b, h, i, s Khoản 1, 2 Điều 51, các Điều 65, 91 và Điều 101 BLHS, xử phạt bị cáo Giàng Văn D từ 04 đến 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm.

+ Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS): Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện M'Đrăk ra Quyết

định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Đặng Văn S số tiền 2.380.000đồng. Trả lại 01 điện thoại di động cho Giảng Văn D. Đối với 01 túi đeo ngang bằng vải không còn giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy.

+ Vàng Văn T và Dương Văn Th1 đến ngày phạm tội 13/8/2020 chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự cũng như xử phạt hành chính nên không đề cập xử lý.

* Người bào chữa cho bị cáo D đồng ý đề nghị của Viện kiểm sát về áp dụng pháp luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tuy nhiên mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là quá nghiêm khắc nên đề nghị HĐXX áp dụng hình phạt thấp nhất dưới khung hình phạt mà VKS đề nghị cho bị cáo hưởng án treo .

* Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M’Đrăk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện huyện M’Đrăk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, các đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ cơ sở pháp lý kết luận: Vào khoảng 14 giờ ngày 13/8/2020, tại nhà anh Đặng Văn S thuộc thôn 6, xã C, huyện M, lợi dụng lúc gia đình anh S không có ai ở nhà, bị cáo D cùng với T và Th1 đã lén lút cạy cửa đột nhập vào nhà anh Đặng Văn S chiếm đoạt số tiền 2.470.000 đồng của vợ chồng anh S. Hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện M’Đrăk truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm:”

[2.2] Xét tính chất vụ án, mức độ cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo phải biết quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Nhà nước và bất kỳ tổ chức, cá nhân nào cũng đều được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác sẽ bị nghiêm trị. Nhưng với ý thức coi thường pháp luật, vì mục đích tư lợi cá nhân, bị cáo đã có hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác.

[2.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, được bị hại viết đơn bãi nại. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS.

Tại thời điểm phạm tội, bị cáo dưới 18 tuổi, phạm tội ít nghiêm trọng, nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Cần áp dụng khoản 1, 2 Điều 65, Điều 91 và Điều 101 để quyết định hình phạt, không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, mà cho hưởng án treo và ấn định một thời gian thử thách, cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản và nhận tiền bồi thường thiệt hại của bị cáo, không yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết.

Việc bị cáo Dũng cùng anh T, anh Th1 bồi thường 620.000 đồng cho bị hại là tự nguyện, không ai có ý kiến và yêu cầu gì nên HĐXX không đặt ra xem xét xử lý.

[2.5] Về vật chứng: việc cơ quan điều tra đã trả lại 2.380.000 đồng cho bị hại là phù hợp nên cần chấp nhận. Điện thoại di động là tài sản của Giàng Văn D không phải là công cụ phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên cần trả lại. Đối với 01 túi đeo ngang bằng vải không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[2.6] Đối với Vàng Văn Toàn và Dương Văn Thái đến ngày phạm tội 13/8/2020, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự cũng như xử phạt hành chính nên không đề cập xử lý.

[2.7] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn yêu cầu miễn án phí nên miễn toàn bộ tiền án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về Tội danh và hình phạt:

* Tuyên bố bị cáo Giàng Văn D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

* Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 65; Điều 91; khoản 1 Điều 101 BLHS. Xử phạt bị cáo Giàng Văn D 04 (bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Giàng Văn D cho UBND xã Cư San, huyện M, tỉnh Đắk Lắk giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo D có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện M’Đrăk giải quyết theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc

người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của BLHS.

2. Biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 2 Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện M’Đrăk đã trả lại 2.380.000 đồng cho anh Đặng Văn S.
- Trả lại cho Giàng Văn D Điện thoại di động.
- Tịch thu tiêu hủy túi đeo ngang bằng vải.

Đặc điểm vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/11/2020 giữa cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện M’Đrăk.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS và Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn toàn bộ tiền án phí HSST cho bị cáo Giàng Văn D.

4. Thông báo quyền kháng cáo:

- Bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.
- Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I TAND Tối cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M’Đrăk;
- Chi cục THADS huyện M’Đrăk;
- CQĐT Công an huyện M’Đrăk;
- Cơ quan THAHS CA huyện M’Đrăk;
- Bị cáo, đương sự;
- Văn phòng;
- Văn thư, kế toán;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hải